

*Điện Biên, ngày 24 tháng 12 năm 2020*

Số: 26/2020/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 38/2020/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2020, giữa:

**\* Nguyên đơn:** Chị Vương Thị H, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số nhà 73, bản K, phường N, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

**\* Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Đội 4, xã T, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 12 năm 2020.

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Vương Thị H và anh Nguyễn Văn H1.

**2.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

**2.1.** Về quan hệ hôn nhân: Chị Vương Thị H và anh Nguyễn Văn H1 thuận tình ly hôn.

**2.2.** Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn Thị C, sinh ngày 7/05/2004 và Nguyễn Văn T, sinh ngày 02/12/2006 cho đến tuổi thành niên (18 tuổi) và có khả năng lao động.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị H và anh H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con và các thành viên trong gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ), Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

2.3. Về quan hệ tài sản: Tài sản riêng: Không có; Tài sản chung; Nợ phải trả; Nợ lấy về; Diện tích ruộng, nương: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, thì mỗi bên đương sự phải chịu 75.000đ án phí DSST, nhưng chị H tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 150.000đ được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Điện Biên theo biên lai thu tiền số AA/2020/0000792 ngày 29/10/2020, chị H được trả lại số tiền 150.000đ đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Điện Biên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện DB;
- Chi cục THADS huyện Đ.B;
- UBND xã T.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Vũ Thị Thanh Thủy**